TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 01/2019/DS-ST
Ngày 04-4-2019
V/v xin ly hôn, yêu cầu nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Đức
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phan Văn Trường
Ông Dương Công Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lương Thanh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018 về vụ xin ly hôn, yêu cầu nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 3 năm 2019; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Hải Y, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số nhà 4, tổ 14, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn chị Trần Hải Y là luật sư Trịnh Huỳnh Quân, Luật sư thuộc văn phòng Luật sư Tuấn Dũng, đoàn luật sư Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Thanh S, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khối phố L, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Hải Y trình bày:

Chị Trần Hải Y và anh Phạm Thanh S được tự do tìm hiểu, và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán; ngày 07/01/2014, chị Trần Hải Y và anh Phạm Thanh S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; giấy chứng nhận kết hôn số 01/2014. Sau khi kết hôn chị Trần Hải Y và anh Phạm Thanh S đã có mâu thuẫn nhỏ, đến năm 2016 mâu thuẫn lớn xảy ra, vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau. Từ tháng

10/2016 chị Trần Hải Y và anh Pham Thanh S sống ly thân cho đến nay. Khi mẫu thuẫn vợ chồng xảy ra hai bên gia đình đã tổ chức khuyên giải nhưng chị Trần Hải Y và anh Phạm Thanh S vẫn không sống chung với nhau được. Tháng 9/2018 anh Phạm Thanh S đã đánh chị Trần Hải Y tại thị trấn B, chị Trần Hải Y đã có đơn gửi đến Công an huyện B nhờ giải quyết. Chị Trần Hải Y và anh Phạm Thanh S mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Trần Hải Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Y đề nghị được ly hôn với anh Phạm Thanh S.

Về con chung: Chị Trần Hải Y và anh Phạm Thanh S có 01 con chung tên là Phạm Thanh T, sinh ngày 19/9/2014, hiện tại cháu Phạm Thanh T đang ở với mẹ tại phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Khi ly hôn chị Trần Hải Y có nguyện vọng được nuôi con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Phạm Thanh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phạm Thanh S vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập nhiều lần. Anh Phạm Thanh S đã trực tiếp ký nhận văn bản giao giấy triệu tập của Tòa án để đến tòa viết bản tự khai và tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nhưng không đến. Tòa án đã thực hiện tất cả các biện pháp tống đạt theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Phạm Thanh S vẫn không có mặt không hợp tác với tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Anh Phạm Thanh S vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần hai không có lý do, mặc dù đã được tòa án tống đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Thanh S là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Hải Y và anh Phạm thanh S là hợp pháp có đăng ký hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Trần Hải Y trình bày vợ chồng đã mâu thuẫn nhiều năm, không còn quan tâm đến nhau. Anh Phạm Thanh S mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại tòa để trình bày ý kiến của mình về việc chị Trần Hải Y xin ly hôn với anh và có yêu cầu được nuôi con chung. Như vậy anh Phạm Thanh S đã tự từ bỏ quyền tố tụng của mình khi tham gia giải quyết vụ án.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Hải Y và anh Phạm thanh S: Thấy rằng anh Phạm Thanh S không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết ly hôn và cũng không có ý kiến về việc chị Trần Hải Y có đơn xin ly hôn

với anh. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Hải Y và anh Phạm Thanh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Trần Hải Y yêu cầu ly hôn với anh Phạm Thanh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Trần Hải Y là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Trần Hải Y có nguyện vọng được nuôi cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 19/9/2014, hiện tại cháu Phạm Thanh T đang ở với mẹ tại phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; chị Trần Hải Y không yêu cầu anh Phạm Thanh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Phạm Thanh S là bố của cháu Phạm Thanh T không có mặt tại tòa và không có ý kiến gì về quyền nuôi con. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp về mọi mặt trẻ em, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của chị Trần Hải Y.

[6] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị Trần Hải Y trình bày là không có. Anh Phạm Thanh S vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Trần Hải Y có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Hải Y với anh Phạm Thanh S; vì xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đã ly thân không sống cùng nhau nhiều năm, không còn quan tâm đến nhau nữa. Về con chung đề nghị giao con chung cho chị Trần Hải Y nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Vì anh Phạm Thanh S không có mặt tại tòa, không có ý kiến về quyền nuôi con.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9] Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện B về quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng quy định khi được Tòa án triệu tập; bị đơn không chấp hành quy định khi được tòa án triệu tập đến để giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Hải Y và nguyên đơn chị Trần Hải Y phải chịu án phí theo quy định.

[10] Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Hải Y được ly hôn với anh Phạm Thanh S.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 19/9/2014, cho chị Trần Hải Y nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Phạm Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Hải Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn theo biên lai thu số AA/2015/0000101 ngày 08/11/2018.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Tòa báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc 15 ngày kể ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B; tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THA huyện B; tỉnh Lạng Sơn;
- UBND phường T, Tp T, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Đức